

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2018/HSST  
Ngày 25/5/2018

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thái
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Bà Nguyễn Thị Nhạn

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Diệu Linh
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 137/2018/TLST-HS ngày 27/4/2018, đối với bị cáo:

**Lê Hoàng N**, sinh năm 1992, tại Sóc Trăng; Nơi cư trú: đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: ấp L, xã P, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Hoàng Hu, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1972; gia đình có 02 anh chị em, bị cáo là con đầu; có vợ tên Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1991, có 01 con tên Lê Ngọc Bảo Tr, sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 30 tháng 12 năm 2017, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 05 ngày 05 tháng 01 năm 2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa - Bị cáo có mặt.

*Người bị hại:* **Ông Nguyễn Việt D**, sinh năm 1977 (có mặt) và **bà Trần Thị R**, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 1833 Bùi Văn Hòa, ấp V, xã P, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài, vào khoảng 07 giờ ngày 20 tháng 12 năm 2017, Lê Hoàng N đi bộ quanh khu vực thuộc xã P, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tìm tài sản để sơ hở để trộm cắp thì phát hiện phía trước cửa nhà số 1833, ấp V, xã P có dựng 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave biển số 60S3-7890 của vợ chồng anh Nguyễn Viết D (sinh năm 1977) và chị Trần Thị R (sinh năm 1982) cùng ngụ tại địa chỉ trên, trên xe có cắm sẵn chìa khóa, không có người trông coi, N liền lén lút đi vào quay đầu xe ra ngoài, nổ máy và chạy xe đi thì bị anh D phát hiện, đuổi theo nhưng không bắt được N. Sau đó, N mang chiếc xe đến tiệm mua bán xe của anh Trần Văn S (sinh năm 1958, ngụ tại xã Long Hựu Tây, huyện Cần Đức, tỉnh Long An) thuộc phường L để bán thì bị phát hiện, báo Công an phường L đưa về trụ sở làm việc. Tại đây, N đã bỏ trốn đến ngày 30 tháng 12 năm 2017 thì bị bắt khẩn cấp, điều tra, xử lý.

Kết quả điều tra xác định: trước đó, vào ngày 19 tháng 12 năm 2017, tại khu phố 2, phường L, N còn thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô Max II, biển số 60X9-1045 của anh Đặng Thế Th (sinh năm 1982, ngụ tại xóm 2, xã Liên Minh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh), sau đó mang bán được số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), tiêu xài hết.

**Tang vật thu giữ gồm:**

- 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Wave biển số 60S3-7890, thu giữ của Nhựt, là tài sản của vợ chồng anh Dũng, chị Hương, do chị Hương đứng tên chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Hương;

- 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Max II, biển số 60X9-1045, thu giữ của ông Trần Văn S và 01 (một) chiếc xe mô tô Wave RS Trung Quốc thu giữ của Nhựt khi bị bắt.

❖ Tại Bản kết luận định giá tài sản số 372/TCKH-HĐĐG ngày 30/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa đã kết luận: “01 (một) chiếc mô tô, gắn máy, biển số 60S3-7890 nhãn hiệu Honda Wave Anpha, có giá trị định giá là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng)”.

❖ Tại Bản kết luận định giá tài sản số 373/TCKH-HĐĐG ngày 30/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa đã kết luận: “01 (một) chiếc mô tô, gắn máy, biển số 60X9-1045 nhãn hiệu Max, có giá trị định giá là 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng)”

❖ Tại Bản cáo trạng số 153/CT-VKSBH ngày 27 tháng 4 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Lê Hoàng N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo điều khoản và tội danh nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau:

+ Tình tiết giảm nhẹ: tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên chưa gây thiệt hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (quy định tại các điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009).

+ Tình tiết tăng nặng: không có;

Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lê Hoàng N mức án từ 06 tháng đến 08 tháng tù.

❖ Bị cáo Lê Hoàng N không tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Lê Hoàng N không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về áp dụng pháp luật: Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra vào ngày 20/12/2017, do đó theo hướng dẫn tại Công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để giải quyết vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay là thống nhất, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ.

Do vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 07 giờ 00 ngày 20 tháng 12 năm 2017, tại nhà số 1833, ấp V, xã P, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Lê Hoàng N đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave biển số 60S3-7890, trị giá 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) của vợ chồng anh Nguyễn Viết D và chị Trần Thị R thì bị phát hiện, khởi tố, điều tra, xử lý. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Từ những phân tích trên, xét thấy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Lê Hoàng N về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với hành vi của Lê Hoàng N trộm cắp 01 chiếc xe mô tô hiệu Max, biển số 60X9-1045 vào ngày 19 tháng 12 năm 2017, trị giá 1.400.000 đồng, không đủ định lượng xử lý hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với N.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về quyết định hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, vì muốn có tiền tiêu xài bị cáo đã bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như đã nêu trên, để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Viết D và bà Trần Thị R đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Max II, biển số 60X9-1045 và 01 chiếc xe mô tô Wave RS Trung Quốc, không có giấy đăng ký xe, chưa xác minh rõ được nguồn gốc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục tạm giữ, điều tra, xác minh, làm rõ xử lý sau.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Lê Hoàng N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: bị cáo Lê Hoàng N 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 30/12/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Viết D và bà Trần Thị R đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

3. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án thành phố Biên Hòa;
- Nhà tạm giữ Công an TP. Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Quốc Thái**